

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN
THÔNG

Số: 14/2005/QĐ-BBCVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 4 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

**Ban hành cước dịch vụ thuê kênh viễn thông nội tỉnh
của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam**

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11/11/2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Quyết định số 217/2003/QĐ-TTg ngày 27/10/2003 của Thủ tướng Chính phủ về quản lý giá cước các dịch vụ bưu chính, viễn thông;

Xét đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam tại công văn số 27/GCTT-HĐQT ngày 28/1/2005 về phương án giảm cước thuê kênh;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này bảng cước thuê kênh viễn thông nội tỉnh của Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng Công ty Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CUỘC THUÊ KÊNH VIỄN THÔNG NỘI TỈNH
CỦA TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2005/QĐ-BBCVT ngày 28/04/2005

của Bộ trưởng Bộ Bưu chính, Viễn thông)

1. Bảng cước thuê kênh viễn thông nội tỉnh (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng)

Đơn vị tính: 1000 VNĐ

STT	Kênh tốc độ	Các mức cước	
		Mức 1	Mức 2
1	Kênh điện báo tốc độ 50 baud	263	463
2	Kênh điện báo tốc độ 100 baud	323	570
3	Kênh thoại dùng để liên lạc điện báo nhiều kênh	1.009	1.780
4	Kênh thoại M1040	807	1.424
5	Kênh tốc độ thấp khác (dưới 56 Kbps)	807	1.424
6	Kênh tốc độ 56/64 Kbps	1.352	2.386
7	Kênh tốc độ 128 Kbps	2.188	3.861
8	Kênh tốc độ 192 Kbps	2.759	4.870
9	Kênh tốc độ 256 Kbps	3.424	6.042
10	Kênh tốc độ 320 Kbps	3.843	6.781
11	Kênh tốc độ 384 Kbps	4.262	7.520
12	Kênh tốc độ 448 Kbps	4.772	8.421
13	Kênh tốc độ 512 Kbps	5.284	9.324
14	Kênh tốc độ 576 Kbps	5.587	9.860
15	Kênh tốc độ 640 Kbps	5.891	10.396
16	Kênh tốc độ 704 Kbps	6.195	10.932
17	Kênh tốc độ 768 Kbps	6.499	11.469